TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/DS-ST
Ngày: 26 - 02 - 2026
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Sơn

2. Bà Trần Thị Mộng Thu

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 212/2025/TLST – DS ngày 14 tháng 11 năm 2025. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST – DS ngày 21 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-DS ngày 09/02/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1)
Địa chỉ: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch HĐQT
Người đại diện theo ủy quyền:
- Bà Nguyễn Võ Thùy L- Cán bộ xử lý nợ. (có mặt)
- Ông Nguyễn Thành L1- Cán bộ xử lý nợ. (vắng mặt)
Địa chỉ: D B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(*Theo văn bản ủy quyền số 23368 ngày 10/10/2025*)

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1984; (vắng mặt)
Địa chỉ: K, Tổ H ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện Ngân hàng TMCP V2 trình bày:

Bà Bùi Thị Thu H có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP V2 (gọi

tắt là V1) theo các Hợp đồng cho vay sau:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2008312729279 ký ngày 27/08/2020 (số hồ sơ cho vay LD2025101707/ LN2008312729279).

Nội dung: Số tiền cho vay: 105.000.000 đồng; giải ngân ngày: 07/09/2020; mục đích vay: Vay tiêu dùng; thời hạn vay: 30 tháng (từ ngày 07/09/2020 đến ngày 07/03/2023); lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: 38%/năm cố định trong suốt thời hạn vay; kỳ trả nợ gốc, nợ lãi: 01 tháng/01 lần vào ngày 07;

Bà H đã thanh toán nợ gốc là 56.534.567 đồng, nợ lãi là 50.645.202 đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn là 35.489.149 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.156.053 đồng). Dư nợ hiện tại tạm tính đến ngày 26/02/2026 là: Nợ gốc còn lại 48.565.433 đồng, nợ lãi quá hạn là 107.171.937 đồng. Tổng cộng 155.737.370 đồng.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 8/7/2021 (số hồ sơ cho vay LD2119000961/ LN2107093984541).

Nội dung: Số tiền cho vay: 64.050.000 đồng; giải ngân ngày: 9/7/2021; mục đích vay: Vay tiêu dùng; thời hạn vay: 42 tháng (từ ngày 9/7/2021 đến ngày 7/1/2025); lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: 39.5%/năm cố định trong suốt thời hạn vay; kỳ trả nợ gốc, nợ lãi: 01 tháng/01 lần vào ngày 07.

Bà H đã thanh toán nợ gốc là 9.556.626 đồng, nợ lãi là 21.604141 đồng (trong đó lãi trong hạn là 13.940.381 đồng, lãi quá hạn là 7.663.760 đồng). Dư nợ hiện tại tạm tính đến ngày 26/02/2026 là: Nợ gốc: 54.493.374 đồng, nợ lãi quá hạn là: 122.240.193 đồng. Tổng cộng là 176.733.567 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, bà Bùi Thị Thu H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 kể từ ngày 07/5/2022. Mặc dù V1 rất nhiều lần làm việc yêu cầu bà Bùi Thị Thu H thanh toán nợ, nhưng đến nay bà Bùi Thị Thu H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1. Tạm tính đến ngày 26/02/2026, bà Bùi Thị Thu H còn nợ V1 số tiền nợ gốc 103.058.807 đồng, nợ lãi quá hạn 229.412.130 đồng. Tổng cộng: 332.470.937 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn, chín trăm ba mươi bảy đồng).

Nay V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Bùi Thị Thu H phải thanh toán ngay cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 26/02/2026 là: Nợ gốc 103.058.807 đồng, nợ lãi quá hạn 229.412.130 đồng. Tổng cộng: 332.470.937 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn, chín trăm ba mươi bảy đồng).

- Bà Bùi Thị Thu H phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 27/02/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với bị đơn bà Bùi Thị Thu H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà H không có mặt, không có bản tự khai gửi Tòa án, vì vậy không có lời khai của bà H.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Bùi Thị Thu H phải thanh toán ngay cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 26/02/2026 là: Nợ gốc 103.058.807 đồng, nợ lãi quá hạn 229.412.130 đồng. Tổng cộng: 332.470.937 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn, chín trăm ba mươi bảy đồng). Bà Bùi Thị Thu H phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 27/02/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thành phần, tư cách của những người tham gia tố tụng, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Ngân hàng TMCP V2 khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Thu H trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"; bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã L, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn bà Bùi Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng*:

Người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N). Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự 2015. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp

đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[2.2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 103.058.807 đồng:*

Ngày 27/8/2020, V1 và bà Bùi Thị Thu H ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng Đ1 (số hồ sơ cho vay LD2025101707/ LN2008312729279), số tiền vay 105.000.000 đồng.

Ngày 08/7/2021, V1 và bà Bùi Thị Thu H ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 08/7/2021 (số hồ sơ cho vay LD2119000961/ LN2107093984541), số tiền vay 64.050.000 đồng.

Sau khi các bên ký kết Hợp đồng tín dụng, V1 đã thực hiện việc giải ngân cho bà H số tiền vay trên. Hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay, bà H đã nhận đủ số tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tính đến ngày 26/02/2026, bà H mới thanh toán cho V1 số tiền nợ gốc của hợp đồng ký ngày 27/8/2020 là 56.534.567 đồng, nợ gốc của hợp đồng ngày 08/7/2021 là 9.556.626 đồng. Vì vậy, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu của V1 buộc bà H có trách nhiệm thanh toán cho V1 số tiền nợ gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng ngày 27/8/2020 là 48.565.433 đồng, của Hợp đồng tín dụng ngày 08/7/2021 là 54.493.374 đồng. Tổng cộng 103.058.807 đồng.

[2.3] *Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/02/2026) là 229.412.130 đồng. Và buộc bà H phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 27/02/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ.*

Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo sự thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng, phù hợp với chính sách lãi suất của V1 trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù hợp với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi là có căn cứ nên được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay, số tiền lãi đã thanh toán thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền nợ lãi quá hạn (tạm tính đến hết ngày 26/02/2026) số tiền 229.412.130 đồng (trong đó nợ lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng ngày 27/8/2020 là 107.171.937 đồng, của Hợp đồng tín dụng ngày 08/7/2021 là 122.240.193 đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

Do đó, tổng số tiền gốc và lãi mà bà H có trách nhiệm thanh toán cho V1 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/02/2026) là: Nợ gốc 103.058.807 đồng, nợ lãi quá hạn 229.412.130 đồng. Tổng cộng: 332.470.937 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn, chín trăm ba mươi bảy đồng). Bà Bùi Thị Thu H phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp

đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 27/02/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính trên giá trị tranh chấp là 332.470.937 đồng.

Ngân hàng TMCP V2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V2 với bị đơn bà Bùi Thị Thu H.

Buộc bà Bùi Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V2 số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26/02/2026 là **332.470.937đ (Ba trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn, chín trăm ba mươi bảy đồng**). Trong đó: Nợ gốc 103.058.807 đồng, nợ lãi quá hạn 229.412.130 đồng.

Kể từ ngày 27/02/2026, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **16.623.547đ** (Mười sáu triệu, sáu trăm hai mươi ba ngàn, năm trăm bốn mươi bảy đồng).

Ngân hàng TMCP V2 không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V2 số tiền **7.910.228đ** (Bảy triệu, chín trăm mười ngàn, hai trăm hai mươi tám đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0033529 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/02/2026), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 13;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Di **Huỳnh Minh** **Phạm Thị Bình**